

Bản án số: **21/2018/HNGĐ-ST**

Ngày: 22/8/2018

V/v *Ly hôn*.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Vũ Thị Tuyền**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Ngô Quang Lực**
2. Ông **Lò Văn Tiên**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thương Huyền** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ tham gia phiên tòa: Bà **Đoàn Thị Minh Thu** - Kiểm sát viên (Vắng mặt).

Ngày 22 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 98/2018/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2018 về việc “*Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2018/QĐST - HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 17/2018/QĐST - HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông **Nguyễn Văn N** (Tên gọi khác: D) - Sinh năm: 1969; Địa chỉ: Số nhà 12, tổ dân phố 24, phường M, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. Nơi công tác: Phòng vật tư thiết bị y tế Bệnh viện Đ, tỉnh Điện Biên (Có mặt).

2. *Bị đơn:* Bà **Phạm Thị H** (Tên gọi khác: Phạm Thị Hồng H) - Sinh năm: 1972; Địa chỉ: Số nhà 12, tổ dân phố 24, phường M, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. Nơi công tác: Khoa dược Bệnh viện Đ tỉnh Điện Biên (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 22/3/2018 và trong quá trình giải quyết, xét xử nguyên đơn ông Nguyễn Văn N trình bày:

- *Về hôn nhân*: Ông N và bà H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện không bị ép buộc và có đăng ký kết hôn vào ngày 01/02/1993 tại UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do trong quá trình chung sống vợ chồng không hòa thuận, do bà H không trung thực và không tin tưởng ở ông N, cho nên mỗi khi ông N hỏi bà H trong nhà có bao nhiêu tiền bà H không nói cho ông N biết. Cho đến nay tình cảm của ông N đối với bà H không còn nên ông bà đã sống ly thân với nhau từ tháng 7/2017 và không ai còn quan tâm đến ai nữa. Vì vậy, ông N đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ giải quyết cho ông được ly hôn với bà H.

- *Về con*:

+ *Về con chung*: Ông N, bà H có 02 cháu là: Nguyễn Trung Anh P - sinh ngày 30/10/1993 và Nguyễn Tiểu Long B - sinh ngày 17/7/1998. Hai cháu đã trưởng thành và hiện tại khỏe mạnh phát triển bình thường nên ông N không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với con chung.

+ *Về con riêng và con nuôi*: Không có

- *Về tài sản*: Ông N, bà H tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ*: Ông N, bà H tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai đề ngày 19/4/2018 và tại biên bản hòa giải ngày 04/5/2018 bị đơn bà Phạm Thị H trình bày:

- *Về hôn nhân*: Bà H và ông N kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện không bị ép buộc và có đăng ký kết hôn vào ngày 01/02/1993 tại UBND xã Quỳnh Minh, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình. Bà H thừa nhận ngày đăng ký kết hôn như trong trích lục kết hôn số 03/TLKH-BS giữa bà H và ông N do UBND xã Quỳnh Minh, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình cấp cho ông N vào ngày 26/3/2018 là đúng nhưng do cấp lại nên đã ghi nhầm năm sinh của bà H là 1971 thực tế năm sinh của bà H là 1972. Bà H không nhất trí với nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng như ông N đã trình bày, vì từ trước đến nay mọi việc lớn thì đều do ông N quyết định, bà H cũng không dấu diếm gì về kinh tế đối với ông N, bản thân bà H cũng không có lỗi gì với chồng, hết lòng vì gia đình, gần đây vợ chồng ông bà có mua mảnh đất cũng đều được sự đồng ý của cả hai vợ chồng bà H mới mua. Ông N nói ông bà đã sống ly thân với nhau từ tháng 7/2017 là không đúng mà thực tế do ông N bỏ nhà đi từ cuối tháng 02/2018 đến cuối tháng 4/2018 ông N về nhà ở và hiện tại ông bà vẫn sinh hoạt vợ chồng bình thường mà không sống ly thân như ông N đã trình bày. Cho đến nay bà H vẫn còn tình cảm với ông N nên bà H không đồng ý ly hôn, nguyện vọng của bà H là được đoàn tụ, vì vậy bà H đề nghị Tòa án tạo điều kiện về thời gian cho bà H và ông N có thời gian để suy nghĩ lại.

- *Về con*:

+ *Về con chung*: Ông N, bà H có 02 cháu là: Nguyễn Trung Anh P - sinh ngày 30/10/1993 và Nguyễn Tiểu Long B - sinh ngày 17/7/1998. Hai cháu đã

trưởng thành và hiện tại khỏe mạnh phát triển bình thường, nếu phải ly hôn bà H cũng có nguyện vọng là không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với con chung.

+ *Về con riêng và con nuôi*: Không có

- *Về tài sản*: Ông N, bà H tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ*: Ông N, bà H tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra xem xét tại phiên tòa, kết quả hỏi tại phiên tòa và trên cơ sở xem xét đầy đủ ý kiến của nguyên đơn tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Đây là vụ án Ly hôn giữa ông Nguyễn Văn N và bà Phạm Thị H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên được quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Về sự vắng mặt của Kiểm sát viên và bị đơn tại phiên tòa: Đối với kiểm sát viên vắng mặt có lý do chính đáng mà không thể tham gia phiên tòa; đối với bị đơn bà Phạm Thị H trong quá trình giải quyết vụ án đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án liên quan đến việc giải quyết vụ án nhưng bà H vẫn không đến tham gia phiên tòa. Xét thấy, sự vắng mặt của kiểm sát viên và bà H không ảnh hưởng đến việc xét xử nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt kiểm sát viên và bà H theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 232 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa ông N và bà H là hợp pháp, trên cơ sở tự nguyện được pháp luật công nhận. Nguyên nhân dẫn đến việc ông N có đơn xin ly hôn với bà H là do trong quá trình chung sống vợ chồng không hòa thuận, không tin tưởng nhau trong việc chi tiêu, mua sắm trong gia đình. Mặt khác trong đơn khởi kiện, trong quá trình hòa giải, cũng như tại phiên tòa ông N khẳng định ông không còn tình cảm với bà H nữa nên ông bà đã sống ly thân với nhau từ tháng 7/2017 cho đến nay, không ai còn quan tâm đến ai nữa, vì vậy ông N tha thiết có nguyện vọng xin được ly hôn với bà H. Xét thấy, sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã triệu tập hòa giải hai lần nhưng bà H không đến tham gia phiên hòa giải lần 02 (ngày 14/7/2018) và cũng không đến tham gia phiên tòa để trình bày quan điểm của mình, điều đó đã thể hiện bà H chưa thực sự có thiện chí đoàn tụ. Vì vậy không có căn cứ để chứng minh rằng cuộc sống chung của ông N và bà H vẫn hòa thuận, hạnh phúc. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa ông N và bà H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy cần xử cho ông N được ly hôn với bà H là phù hợp với quy định tại điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con:

- *Về con chung*: Ông N, bà H có 02 cháu là: Nguyễn Trung Anh P - sinh ngày 30/10/1993 và cháu Nguyễn Tiểu Long B - sinh ngày 17/7/1998. Các cháu đều đã trên 18 tuổi và hiện tại khỏe mạnh phát triển bình thường nên ông N, bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về con riêng và con nuôi*: Không có.

[2.3] Về tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.4] Về nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.5] Về án phí: Ông Nguyễn Văn N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (án phí ly hôn) theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Về pháp luật áp dụng:

- Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 232; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

2. Tuyên xử:

2.1. *Về hôn nhân*: Ông Nguyễn Văn N (D) được ly hôn với bà Phạm Thị H (Phạm Thị Hồng H).

2.2. *Về con*:

- *Về con chung*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- *Về con riêng, con nuôi*: Không có.

2.3. *Về tài sản*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. *Về Nợ*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. **Về án phí**: Buộc ông Nguyễn Văn N (D) phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (án phí ly hôn) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng tại biên lai thu tiền số AA/2016/0001747 ngày 26/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên; Ông N (D) đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát ND thành phố ĐBP;
- UBND xã Quỳnh Minh, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình;
- Những người tham gia tố tụng;
- Chi cục Thi hành án DS thành phố ĐBP;
- Toà án tỉnh Điện Biên;
- Chánh án;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Vũ Thị Tuyến

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát ND thành phố ĐBP;
- UBND xã Thụy Thanh, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình;
- Những người tham gia tố tụng;
- Chi cục Thi hành án DS thành phố ĐBP;
- Toà án tỉnh Điện Biên;
- Chánh án;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thị Tuyền

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

